

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ÁP DỤNG AACR2 TRONG BIÊN MỤC MÔ TẢ TẠI CÁC THƯ VIỆN VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Văn Hành

Trung tâm TT-TV ĐHQG Hà Nội

Nếu những tiền đề cho việc áp dụng quy tắc biên mục AACR2 ở các thư viện Việt Nam. Giới thiệu khái quát quy tắc biên mục này về nên một số khía cạnh trong các quy tắc mô tả khi áp dụng hệ thống ISBD.

Mở đầu

Trong hoạt động thông tin - thư viện, việc tổ chức và sắp xếp thông tin thư mục sao cho có thể truy cập và trao đổi những thông tin đó trong nước và quốc tế một cách dễ dàng là rất cần thiết, nhất là trong điều kiện thông tin toàn cầu hiện nay. Hai công cụ quan trọng nhất để đảm bảo các điều kiện trên là bộ quy tắc biên mục và khổ mẫu (Format) trong biên mục tự động.

Khổ mẫu làm cho kết quả biên mục có thể trao đổi được trên mạng thông tin tự động hóa quốc gia và quốc tế. Vào đầu thế kỉ XXI, hầu như các thư viện Việt Nam được hiện đại hóa đã áp dụng khổ mẫu MARC21 trong biên mục tự động nhờ **TCVN 7539: 2005 Thông tin và tư liệu - Khổ mẫu MARC21 cho dữ liệu thư mục**. Trong khi đó việc sắp xếp các dữ liệu thư mục trong biểu ghi thư mục lại phụ thuộc vào quy tắc mô tả cụ thể. Khổ mẫu MARC21 được biên soạn cho phép các thư viện có thể nhập dữ liệu theo các quy tắc mô tả khác nhau. Tuy nhiên, khổ mẫu này chủ yếu phù hợp với quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2 do chúng đều cùng xuất xứ. Vì nhiều lý do, khổ mẫu MARC21 và quy tắc AACR2 đã được coi như một chuẩn quốc tế trong biên mục.

Ở Việt nam từ tháng 5 năm 2007, Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) đã chính thức cho phép các thư viện áp dụng 2 chuẩn trên cùng với bảng phân

loại DDC14. Vấn đề đặt ra là áp dụng các chuẩn trên vào công tác biên mục ở các thư viện nước ta hiện nay có thuận lợi và khó khăn gì? Bài viết này chỉ đề cập đến vấn đề áp dụng quy tắc biên mục AACR2 ở các thư viện Việt Nam.

1. Những tiền đề cho việc áp dụng các quy tắc biên mục Anh- Mỹ AACR2 ở các thư viện Việt Nam

Từ năm 1954 ở miền Bắc, Nhà nước chú trọng phát triển hệ thống thư viện phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Cùng với các lĩnh vực khác của thư viện học, công tác mô tả tài liệu thư viện cũng được chú trọng, nhất là việc xây dựng các quy tắc mô tả thống nhất trong toàn hệ thống thư viện. Năm 1964 Thư viện Quốc gia Việt Nam (TVQG VN) đã biên soạn quy tắc mô tả ấn phẩm dựa trên "Quy tắc thống nhất" của Liên Xô cũ, có tính đến đặc điểm của các thư viện Việt Nam. Quy tắc năm 1964 xác định **7 yếu tố mô tả: tiêu đề mô tả, tên ấn phẩm, phụ đề, chi tiết xuất bản, đặc điểm số liệu, thượng tiêu đề và phụ chú**.

Năm 1976, quy tắc trên được TVQG VN biên soạn lại và đặt tên là "**Quy tắc mô tả ấn phẩm dùng cho mục lục thư viện**". Đáng chú ý là, trong quy tắc đã quy định lập tiêu đề mô tả tên tác giả Việt Nam như sau:

Mô tả theo từ cuối cùng trong họ và tên đầy đủ của tác giả (không phân biệt tên đơn, tên kép), ghi bằng chữ in hoa. Họ và chủ dem đạo

lai để sau tên, đặt trong 2 ngoặc đơn (chữ cái đầu trong mỗi từ viết hoa). *Ví dụ: Phụng (Vũ Trọng)*. Các biệt hiệu, bút danh mang tính chất họ tên, mô tả đảo như trên. Các biệt hiệu, bút danh không mang tính chất họ và tên, khi mô tả giữ nguyên như ghi trên tài liệu. *Ví dụ: Xuân Diệu, Tố Hữu...*

Trước năm 1975, Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR đã được biên dịch và áp dụng trong một số thư viện ở miền Nam Việt Nam, có tên gọi là **“Quy tắc Tổng kê Anh - Mỹ”**. Tuy nhiên, vấn đề lập tiêu đề mô tả cho tên tác giả Việt Nam vẫn chưa được thống nhất và chưa tuân thủ theo AACR2 [2]. Từ năm 1980 TVQGVN, Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương (TVKHKTU), nay thuộc Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, đã bắt đầu nghiên cứu và áp dụng quy tắc mô tả tài liệu theo tiêu chuẩn quốc tế ISBD. Năm 1985 TVQGVN xuất bản tập **“Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISBD: dùng cho mục lục thư viện. Phần I : Mô tả sách”**. Trong tài liệu có ví dụ minh họa và lược bỏ những chi tiết chưa phù hợp với thư viện Việt Nam. Năm 1987 TVKHKTU xuất bản **“Quy tắc mô tả thư mục xuất bản phẩm dùng cho TVKHKT. T.1”**, gồm các quy tắc mô tả sách, xuất bản phẩm định kỳ, các hình thức mô tả bổ sung.

Năm 1994, TVQGVN xuất bản **“Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm: Dùng cho mục lục thư viện”**. Tài liệu này được biên soạn trên cơ sở tham khảo các quy tắc và tiêu chuẩn mô tả tiên tiến trên thế giới và thực tiễn biên mục Việt Nam để biên soạn, đó là tiêu chuẩn ISBD, quy tắc AACR2, quy tắc mô tả của Liên Xô. Đây là quy tắc mô tả đã và đang được sử dụng trong biên mục mô tả, góp phần tạo lập khối lượng đồ sộ các phiếu mục lục và các cơ sở dữ liệu thư mục trong các thư viện Việt Nam. Năm 1989 Ủy ban KHKT Nhà nước ban hành tiêu chuẩn nhà nước về mô tả thư mục tài liệu nói chung, đây là một trong những sự kiện quan trọng của lịch sử phát triển mô tả tài liệu

thư viện Việt Nam. TCVN 4743-89: **“Xử lý thông tin. Mô tả thư mục tài liệu. Yêu cầu và quy tắc biên soạn”** như là yêu cầu bắt buộc cho các thư viện và cơ quan thông tin, xuất bản, phát hành trong cả nước. Phần mô tả của tiêu chuẩn này về cơ bản dựa trên tiêu chuẩn ISBD và các tiêu chuẩn của Liên Xô cũ trong lĩnh vực này. Tuy nhiên việc áp dụng tiêu chuẩn này ở các thư viện chưa được chấp hành một cách nghiêm chỉnh, phần nhiều chỉ sử dụng như là một tài liệu tham khảo. Nhìn chung, cho đến nay các thư viện Việt Nam đã áp dụng các quy tắc mô tả tài liệu được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn ISBD. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hội nhập các tiêu chuẩn nghiệp vụ quốc tế về thư viện và là tiền đề cho việc áp dụng AACR2 sau này.

2. Sơ lược về Quy tắc biên mục Anh - Mỹ AACR2

2.1. Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2R bản đầy đủ

Năm 1967, Quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR (Anglo-American Cataloging Rules) được Hội thư viện Anh, Hội thư viện Mỹ hợp tác biên soạn và xuất bản lần đầu tiên (còn được gọi là AACR1), nhưng là 2 bản riêng, một cho Anh, một cho Bắc Mỹ. Năm 1978, AACR được biên soạn lại, có sự tham gia của Hội thư viện Canada. **Lần xuất bản này, bộ quy tắc đã chú ý sử dụng tiêu chuẩn ISBD trong phần mô tả tài liệu** với mục đích mở rộng việc áp dụng AACR ra ngoài phạm vi các thư viện Anh và Bắc Mỹ.

Bộ quy tắc Anh-Mỹ xuất bản lần 2, có chính lí AACR2R (Revision) được xuất bản năm 1988, đã áp dụng triệt để ISBD(G) cho xây dựng các quy tắc phần mô tả tài liệu. Từ 1998 đến 2004, AACR2R được chỉnh lý và cập nhật nhiều lần, đáng chú ý là các lần sau: 1988 AACR2R xuất bản lần 2; năm 2002, xuất bản dạng tờ rời; Bản cập nhật năm 2004, cũng xuất bản dạng tờ rời.

Bộ quy tắc biên mục Anh-Mỹ AACR2R

dựa theo ISBD (G) trong mô tả tài liệu thư viện đã quy định chặt chẽ chi tiết mô tả từng loại hình tài liệu và rất chú trọng đến cách lập các điểm truy nhập (tiêu đề) cho biểu ghi thư mục, và là bộ quy tắc chính được dùng trong biên mục theo khổ mẫu USMARC, CANMARC, UKMARC và sau này là MARC21.

Cấu trúc AACR2R

Phần 1: **Mô tả các dạng tài liệu**: 1. Quy tắc chung cho mô tả dựa vào ISBD(G). **Mô tả các dạng tài liệu cụ thể**: 2. Sách; 3. Bản đồ; 4. Bản thảo; 5. Nhạc phẩm; 6. Tài liệu ghi âm; 7. Phim; 8. Tài liệu đồ họa; 9. Tài liệu điện tử; 10. Vật chế tác; 11. Tài liệu vi hình; 12. Xuất bản phẩm tiếp tục; 13. Mô tả trích.

Phần 2: **Tiêu đề (điểm truy nhập), nhan đề thống nhất và tham chiếu** 21. Chọn tiêu đề/ điểm truy nhập; 22. Tiêu đề tác giả cá nhân; 23. Địa danh; 24. Tiêu đề tác giả tập thể; 25. Nhan đề thống nhất; 26. Tham chiếu.

Các mức độ mô tả chi tiết theo AACR2R (1.0D)

Mức 1

Nhan đề chính / Thông tin đầu tiên về trách nhiệm nếu khác với tiêu đề mô tả chính hoặc không có tiêu đề mô tả chính. - Lần xuất bản. - Thông tin đặc thù. - Nhà xuất bản đầu tiên, Năm xb. - Quy mô. - Phụ chủ. - Chỉ số tiêu chuẩn quốc tế

Mức 2

Nhan đề chính [GMD] (General Material Designation) = Nhan đề song song: Nhan đề khác / Thông tin trách nhiệm đầu tiên; mỗi khoản tiếp theo. - Lần xb / Trách nhiệm chi liên quan đến lần xb. - Thông tin đặc thù. - Nơi xb: Nhà xb, Năm xb (Nơi in: nhà in). - Quy mô: Các chi tiết vật lý khác: khổ cỡ. - (Nhan đề chính của từng thư: Thông tin trách nhiệm, ISSN: Số thứ tự của cuốn sách trong từng thư. Nhan đề từng thư con, ISSN của từng thư con; Số thứ tự của cuốn sách trong từng thư con). - Phụ chủ. - Chỉ số tiêu chuẩn quốc tế. [GMD] - chỉ định chung về loại hình tài liệu.

Ví dụ: Bài giảng vật lý [tư liệu ghi hình]

Mức 3: Bao gồm tất cả các yếu tố theo quy tắc 2.2. **Quy tắc biên mục Anh-Mỹ bản rút gọn CAACR2, 1998**

Trên cơ sở AACR2R bản đầy đủ, năm 1998, Michael Gorman, Giám đốc dịch vụ Thư viện Đại học tiểu bang California, Mỹ đã biên soạn bản rút gọn có tên **The Concise AACR2, 1998 Revision** (viết tắt là CAACR2R).

Bản tiếng Việt đầu tiên của Bộ quy tắc biên mục Anh-Mỹ rút gọn, 1998, do Lâm Vĩnh Thế (Uni. of Saskatchewan library, Canada), Phạm Thị Lệ Hương (Modesto Junior College Library, CA, USA) dịch và được LEAF-VN (The Library and Education Assistance Foundation for Vietnam - Hội Hỗ trợ Thư viện và Giáo dục Việt Nam tại Mỹ) xuất bản năm 2002.

Cấu trúc của CAACR2R

Phần 1. Mô tả: Quy tắc 0-11 mô tả tài liệu thư viện.

Phần 2. Tiêu đề, nhan đề đồng nhất, tham chiếu.

Quy tắc 21 - 29 Lựa chọn các điểm truy nhập; Quy tắc 30 - 34 Tiêu đề cho tác giả cá nhân; Quy tắc 45 - 47 Địa danh; Quy tắc 48 - 56 Tiêu đề cho tác giả tập thể; Quy tắc 57 - 61 Nhan đề đồng nhất; Quy tắc 62 - 65 Tham chiếu.

Phần 3: Phụ lục; Bảng chữ viết hoa; Bảng thuật ngữ thư viện học Anh - Việt; Bảng so sánh các số quy tắc; Minh họa phiếu mục lục mô tả theo CAACR2.

Mức độ chi tiết trong các vùng mô tả (mức tối thiểu).

Nhan đề chính / minh xác đầu tiên về trách nhiệm. - Lần xuất bản. - Vùng đặc biệt. - Nhà xuất bản được nêu tên đầu tiên, v.v... năm xuất bản. - Số trang. - Những ghi chú cần phải làm. - Số tiêu chuẩn

Trong CAACR2R không nêu mức độ chi

tiết thứ 2 mà cho phép người biên mục thêm vào các yếu tố mô tả theo quy tắc đã có.

3. Nhận xét chung về ISBD và các quy tắc mô tả

3.1. Các quy tắc mô tả kế thừa và phát triển ISBD

Các quy tắc mô tả AACR2 và TVQGVN (1994) đều dựa vào ISBD để xây dựng phần mô tả tài liệu. Cả 2 quy tắc đều xây dựng cấu trúc bản mô tả tài liệu gồm 8 vùng mô tả, các vùng và các yếu tố mô tả được ngăn cách và nhận biết bởi hệ thống dấu được sử dụng trong ISBD. Quy tắc AACR2R sử dụng cách đánh chỉ số phần mô tả của ISBD.

Ví dụ: 1.1B Nhan đề chính (AACR2)

1.1 Nhan đề chính (ISBD(M))

Quy tắc AACR2R đưa ra 3 mức mô tả thư mục để các thư viện vận dụng cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ của mình.

Quy tắc TVQGVN(1994) đưa ra sơ đồ mô tả chung (I mức), nhưng quy định yếu tố bắt buộc và không bắt buộc đối với 1 bản mô tả. Quy tắc này còn đưa thêm yếu tố **tiêu đề mô tả** vào sơ đồ mô tả trong các chương mô tả tài liệu thư viện.

3.2. Một số khác biệt chính trong các quy tắc mô tả khi áp dụng ISBD

Tiêu chuẩn ISBD được biên soạn từ năm 1969 và đã được áp dụng để xây dựng các quy tắc biên mục của nhiều quốc gia. Mục đích chính của ISBD là cung cấp các quy định cho một mô tả thư mục tiêu chuẩn toàn cầu để hỗ trợ, thúc đẩy việc trao đổi biểu ghi thư mục giữa các cơ quan thư mục quốc gia cũng như các thư viện và cơ quan thông tin.

Tiêu chuẩn ISBD là *một tiêu chuẩn mở*, không mang tính áp đặt, do vậy các quy tắc mô tả do các nước biên soạn dựa trên ISBD sẽ có những điểm khác nhau.

a. Số lượng tác giả cá nhân/ tập thể trong thông tin trách nhiệm

Theo ISBD(G) (2004, 1.5), khi có nhiều tên

tác giả cá nhân/tập thể trong khoản thông tin trách nhiệm, thì số lượng tên tác giả được mô tả sẽ do cơ quan biên mục quyết định. Tuy nhiên, những tên tác giả bỏ qua sẽ được thay bằng dấu báo hiệu “còn nữa”, đó là dấu ba chấm và cụm từ “et al.” (và những người khác) ... [et al.] (*et alii* – tiếng Latinh) hoặc bằng các chữ viết tắt của ngôn ngữ khác (của người biên mục).

Theo AACR2R (2004, 1.1F5), nếu một thông tin trách nhiệm có trên 3 tác giả cá nhân/tập thể với cùng một chức năng hoặc với mức độ trách nhiệm như nhau thì chỉ ghi tên cá nhân/tập thể đầu tiên rồi thêm ... [et al.]

Theo Quy tắc TVQGVN (1994, 4.5.4), nếu tài liệu có 4 tác giả trở xuống thì ghi tất cả ở thông tin trách nhiệm; nếu tài liệu có từ 5 tác giả trở lên thì ghi 3 tác giả đầu tiên và 3 dấu chấm lửng ...

Ví dụ: / Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn,...

Như vậy không thể nói quy tắc nào tiến bộ hơn ở những sự khác nhau này, mà đó là sự tự lựa chọn và áp dụng của cơ quan biên soạn quy tắc. Có thể thấy cách làm của AACR2 đôi khi làm mất thông tin về các tác giả có trách nhiệm khác, nếu không lập tiêu đề phụ cho các tác giả này.

b. Về mô tả tài liệu khi có nhiều nơi xuất bản, nhà xuất bản

Theo ISBD(M)(2004, 4.1&4.2), tài liệu có hơn 1 nơi xuất bản (cho 1 nhà xuất bản), có 3 lựa chọn để mô tả cho nơi/nhà xuất bản thứ hai:

- Lấy tên nơi xuất bản in đậm hơn, nếu không, lấy nơi xuất bản có ý nghĩa quan trọng với người dùng mục lục;

- Nơi xuất bản thứ 2 hoặc tiếp theo;

- Có thể bỏ qua nơi xuất bản thứ 2 hoặc tiếp theo. Khi bỏ qua phải có ký hiệu xác nhận, ký hiệu được đặt trong móc vuông. Dấu hiệu có thể bằng chữ cái viết tắt “etc.” (*et cet. era* = *vân vân*) hoặc bằng hệ chữ khác.

Ví dụ: *Vien [etc.]*

Theo **Quy tắc TVQGVN (1994)**, nếu tài liệu có 2 nơi xuất bản thì ghi cả hai, cách nhau bằng dấu chấm phẩy (;). Nếu tài liệu có 3 nơi xuất bản trở lên- ghi nơi xuất bản đầu tiên rồi dùng dấu ba chấm (...)

Ví dụ: *Paris, London mô tả Paris ; London London, Tokyo, New York mô tả London,...*

Theo **AACR2R(2004,1.4C5)**, nếu tài liệu có 2 hay nhiều nơi xuất bản hay nhiều nhà xuất bản, thì mô tả nơi xuất bản và nhà xuất bản đầu tiên; nơi xuất bản và nhà xuất bản còn lại có thể chọn:

- Nơi xuất bản hay nhà xuất bản có tên được in nổi bật hoặc nếu không có thì chọn nơi xuất bản /nhà xuất bản ở quốc gia người biên mục

Ví dụ: New York: Dutton; Toronto: Clarke, Irwin (*Người biên mục ở Canada*)

- Tài liệu có một nhà xuất bản, nhưng có nhiều nơi xuất bản: cũng mô tả cho nơi xuất bản đầu tiên, nơi xuất bản thứ 2 chọn theo phương pháp trên.

Ví dụ: London: New York (*Người biên mục ở Mỹ*)

London; Toronto : Longmans

(*Nguồn lấy thông tin: London, New York, Toronto, Sydney*)

c. Về lập tiêu đề mô tả hay điểm truy nhập

Theo lý thuyết biên mục mô tả, sau khi mô tả tài liệu, nếu cần xây dựng bộ máy tra cứu (mục lục phiếu, mục lục điện tử) sẽ tiến hành lập tiêu đề mô tả hay điểm truy nhập. Các quy định về phương pháp lập tiêu đề mô tả, chỉ có ở trong các quy tắc mô tả cụ thể, chứ không có trong ISBD. Do vậy có một số tác giả khi nghiên cứu vấn đề này đã so sánh ISBD với các quy tắc mô tả như AACR2 và quy tắc mô tả TVQGVN 1994 là không phù hợp.

Nét về cấu trúc, Quy tắc mô tả TVQGVN 1994, có cấu trúc theo quy trình truyền thống,

đưa các quy tắc về lập TĐMT trước các quy tắc mô tả các yếu tố của chính văn mô tả. Còn quy tắc AACR2 thì có cấu trúc theo trình tự như lý thuyết biên mục đã nêu trên, mô tả tài liệu trước, sau đó là các quy tắc về lập điểm truy nhập. Mặt khác, mỗi quy tắc lại quy định cấu trúc của TĐMT điểm truy nhập theo cách riêng của mình. Do vậy có thể thấy ngay đây là **nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau** của các tiêu đề mô tả hay điểm truy nhập trong các hệ thống tra cứu của thư viện.

Chẳng hạn, đối với tiêu đề mô tả là tên tác giả cá nhân người Việt Nam, quy tắc của TVQGVN 1994 cho phép thực hiện như sau:

Trình bày thuận: **Họ Đệm Tên**

Ví dụ: *Nguyễn Minh Châu*

Trình bày đảo: **Tên (Họ Đệm)**

Ví dụ: *Châu (Nguyễn Minh)*

Còn theo quy tắc AACR2, nếu gặp trường hợp trên, tiêu đề mô tả được trình bày như sau:

Họ, Đệm Tên

Ví dụ: *Nguyễn, Minh Châu*

Về cơ sở và ưu nhược điểm của vấn đề này đã được trình bày trong [11]. Tuy nhiên, một số người **phân vân** khi áp dụng cách lập tiêu đề mô tả theo AACR2 như nêu trên và cho rằng, nếu trình bày tên tác giả như trên sẽ không phù hợp với cách gọi và đặt tên của người Việt Nam (ngụ ý, "**cái dấu phẩy**" ở đây là không hợp lý).

Về mặt phương pháp luận trong biên mục mô tả, cần phân biệt rõ 2 công đoạn: **Mô tả tài liệu** và **Lập tiêu đề mô tả**. Nếu mô tả tài liệu trước, theo tiêu chuẩn ISBD (đã được áp dụng vào 1 quy tắc mô tả cụ thể), các tên cá nhân như tên tác giả, tên người dịch, người biên tập nếu có sẽ được mô tả trong **Vùng Nhan đề và thông tin trách nhiệm**, sau dấu vạch xiên (/). Và, theo quy định, tên cá nhân ở đây được trình bày như trên tài liệu, không tác động gì. Khi có yêu cầu lập tiêu đề mô tả, người biên mục cần

cứ vào quy tắc lấy tên tác giả đầu tiên làm TĐMT, nếu tài liệu có 3 tác giả trở xuống. Lúc này căn cứ vào quy tắc, tên tác giả cá nhân có thể được trình bày giống hoặc khác tên trong thông tin trách nhiệm, nhưng chúng đều **đồng vai trò điểm truy nhập**.

Lâu nay, do thành thạo quy tắc mô tả và theo thói quen, cán bộ biên mục, sau khi xác định nguồn lấy thông tin trên tài liệu, đã **“mô tả”** hay lập TĐMT trước, rồi mới mô tả các vùng trong chính văn mô tả của phiếu hay các trường dữ liệu của biểu ghi thư mục. Do vậy đã có sự nhầm lẫn, rằng tên tác giả được mô tả **“nhắc lại”** ở vùng thông tin trách nhiệm, thậm trí ngay cả trong quy tắc cũng dùng cụm từ **“nhắc lại”** này [10]. Thực ra thì **cơ sở lấy thông tin** để lập TĐMT là tên tác giả trong vùng nhan đề và thông tin trách nhiệm.

Do vậy, việc chọn cách lập TĐMT/ điểm truy nhập cho tên tác giả cá nhân người Việt Nam theo cách của AACR2 là khoa học và phù hợp. Đến nay dù chưa có quy tắc AACR2 được biên dịch đầy đủ, nhưng khá nhiều thư viện đã áp dụng cách làm trên.

4. Kết luận

Thuận lợi cơ bản khi áp dụng AACR2 là các quy tắc mô tả ở Việt Nam đang áp dụng đều sử dụng tiêu chuẩn ISBD cho phần mô tả tài liệu, điều này tương thích với phần mô tả trong quy tắc AACR2. Từ năm 2000 trở lại đây, các thư viện Việt Nam đã được hiện đại hóa và áp dụng các phần mềm quản trị thư viện tích hợp tiên tiến theo các chuẩn quốc tế. Đa số các phân hệ biên mục của các phần mềm này đều sử dụng khổ mẫu MARC21, do vậy tiện lợi cho biên mục sao chép qua mạng, tận dụng được các kết quả biên mục của các thư viện khác có cùng tiêu chuẩn.

Một số **điểm không thuận lợi khi áp dụng AACR2** là: trong Quy tắc AACR2, có nhiều quy định trong phần mô tả, đặc biệt phần lập điểm truy nhập (tiêu đề mô tả) khác với quy tắc mô tả Việt Nam. Do vậy khi áp dụng AACR2 cũng có nhiều yếu tố mô tả không tương thích và phải sửa đổi. Với số lượng biểu ghi trong các CSDL thư mục lớn như hiện nay việc chỉnh lý sẽ tốn kém thời gian và kinh phí.

Ngoài ra, quy tắc AACR2 bản đầy đủ rất chi tiết và phức tạp, đôi khi gây khó khăn cho người sử dụng. Trong khi chưa có tài liệu dịch đầy đủ chính thức và hướng dẫn cụ thể và thói quen áp dụng quy tắc biên mục cũ trong các thư viện thì việc áp dụng AACR2 ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết.

Tài liệu tham khảo

1. AACR2 / ALA. CLA. LAP. - 2^o Edition 1998 Revision. - xli. 676 p.

2. Báo cáo của Ủy ban Tổng kê thuộc Hội Thư viện Việt Nam [miền Nam trước 1975] // Thư viện tập san, 1974. - Số đặc biệt. - tr.18-26

3. Bộ quy tắc biên mục Anh-Mỹ rút gọn, 1988: ấn bản Việt ngữ lần thứ nhất / M. Gorman; dịch giả: Lâm Vĩnh Thế, Phạm Thị Lê Hương. - LEAF-VN. 2002. - xxxi. 290 tr.

4. IFLA. ISBD(M): International Standard Bibliographic Description for Monographic Publications. - 2002 Revision. - 67 p.

5. IFLA. ISBD(G): International Standard Bibliographic Description. - 2004 Revision - 34 p.

6. Giáo trình biên mục mô tả / Vũ Văn Sơn. - H.: ĐHQGHN. 2000. - 284 tr.

7. Giới thiệu tổng quan về quy tắc biên mục Anh - Mỹ AACR2 Cao Minh Kiêm. Kỷ yếu Hội thảo tăng cường áp dụng

tiêu chuẩn Việt Nam về thông tin và tư liệu (Hà Nội, ngày 16-17 tháng 8 năm 2007). - H.: Trung tâm TTKH&CNQG. 2007. - tr.68-82

8. Quy tắc mô tả thư mục xuất bản phẩm: Dùng cho các thư viện KHK. Tập 1: mô tả sách và xuất bản phẩm tiếp tục / Thư viện KHKTTU. - H., 1887. - 102 tr.

9. Tài liệu hướng dẫn mô tả ấn phẩm: Dùng cho mục lục thư viện / Thư viện Quốc gia Việt nam. - H., 1994. - 115 tr.

10. Vấn đề lập tiêu đề mô tả cho tên tác giả cá nhân người Việt Nam trong biên mục mô tả / Nguyễn Văn Hành // Tạp chí Thư viện Việt Nam, 2006. - số 4. - tr. 27-31

11. Vấn đề chuẩn hóa cách trình bày tiêu đề mô tả / điểm truy nhập tên người Việt Nam trong cơ sở dữ liệu / Nguyễn Văn Hành // Kỷ yếu Hội thảo tăng cường áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về thông tin và tư liệu (Hà Nội, ngày 16-17 tháng 8 năm 2007). - H.: Trung tâm TTKH&CNQG. 2007. - tr.88-94